TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **09**/2021/QĐST-KDTM	*Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thanh Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Phùng.

2. Bà Nguyễn Thị Cờ.

Căn cứ:

- Điều 50 Luật Thương mại;

- Điều 74, 84, 401, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 212, 213, 235 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 79/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần xây dựng A**; Địa chỉ: …, KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H.

Bị đơn: **Công ty cổ phần tập đoàn B**; Địa chỉ: …., phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q - Tổng giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn B tại Bắc Ninh**; Địa chỉ….., tòa nhà thương mại dự án Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Người đứng đầu: Ông Chung Quốc V - Giám đốc Chi nhánh;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Xác nhận tính đến ngày 01/02/2021, Công ty cổ phần tập đoàn B còn nợ Công ty cổ phần xây dựng A tổng số tiền là 833.574.800 đồng (tám trăm ba mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm đồng).

Công ty cổ phần tập đoàn B thanh toán trả Công ty cổ phần xây dựng A số tiền trên theo lộ trình thành 03 đợt:

Đợt 1: Chậm nhất ngày 05/02/2021 trả số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Đợt 2: Chậm nhất ngày 30/6/2021 trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Đợt 3: Chậm nhất ngày 30/8/2021 trả nốt số tiền 333.574.800 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, tám trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn B phải trả số tiền lãi trên số nợ gốc cho đến ngày 01/02/2021.

Trường hợp Công ty cổ phần tập đoàn B vi phạm lộ trình trả nợ trên, Công ty cổ phần xây dựng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành đối với toàn bộ khoản nợ trên.

* Án phí: Công ty cổ phần xây dựng A tự nguyện chịu 27.345.000 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 27.345.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014540 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa (đã nộp đủ); Công ty cổ phần tập đoàn B tự nguyện chịu 9.655.000 đồng (chín triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**